TRUNG TAM KY THUẬT MOI TRƯƠNG VA AN TOAN HOA CHẤT
CENTER OF ENVIRONMENTAL ENGINEERING AND CHEMICAL SAFETY
ĐC: Số 2 Phạm Ngũ Lão, Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
ĐT: 024.38260669/024.32669875 Email:ceecsvhhcn@gmail.com
Giấy chứng nhận hoạt động Quan trắc môi trường: **VIMCERTS 195**

Số: 6024/2024/PKQ(24/K4639/K1)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Cơ sở: Công ty TNHH Parker Processing Việt Nam
Địa chỉ: Lô C1-2, KCN Thăng Long, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội

Vị trí quan trắc	**K1** Ống khí thải từ HTXL khí thải hơi hoá chất, công suất 12.000 m^3/h
Ngày quan trắc, lấy mẫu	Ngày 07 tháng 11 năm 2024
Người lấy mẫu	Đinh Quang Minh, Vũ Minh Huy, Lê Việt Anh
Đặc điểm thời tiết	Trời nắng, nhiệt độ trung bình 29^0C
Người phân tích	Nguyễn Việt Anh, Nguyễn Thị Thanh Hương, Lê Ngọc Ánh

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCTĐHN 01:2014/ BTNMT (C_{max})
				K1	
1.	Lưu lượng	Nm^3/h	EPA Method 2	22.338	-
2.	Bụi tổng	mg/Nm^3	EPA Method 5	<2,0	**140**
3.	CO	mg/Nm^3	QTHT-40	<20	**800**
4.	SO_2	mg/Nm^3	QTHT-40	<3,4	**350**
5.	NO_x	mg/Nm^3	QTHT-40	<5,0	**680**
6.	HCl (**5)	mg/Nm^3	US EPA method 26A	KPH	**35**
7.	H_2SO_4	mg/Nm^3	EPA Method 8	<1,3	**35**

Ghi chú:

- **QCTĐHN 01:2014/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội.

$$C_{max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

- $K_p = 1,0$: Do lưu lượng nguồn thải $P \leq 20.000$ (m^3/h);
- $K_v = 0,7$: Do cơ sở thuộc huyện Đông Anh (Khu vực loại 2) - Áp dụng đối với thông số Bụi tổng, SO_2, HCl, H_2SO_4.
- $K_v = 0,8$: Do cơ sở thuộc huyện Đông Anh (Khu vực loại 2) - Áp dụng đối với thông số CO, NO_x.

- (**5) Chỉ tiêu được phân tích bởi Trạm quan trắc và phân tích môi trường lao động (Vimcerts 025)
- KPH: Không phát hiện.

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2024

THAY MẶT CÁN BỘ QUAN TRẮC	TRƯỞNG PHÒNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG	KT.GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Vân Anh	Lê Bảo Quân	ThS. Nguyễn Thị Hạnh

TRUNG TÂM KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN HÓA CHẤT CHI NHÁNH VIỆN HÓA HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

1. Kết quả chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu (như trên)

TRUNG TÂM KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN HOÁ CHẤT
CENTER OF ENVIRONMENTAL ENGINEERING AND CHEMICAL SAFETY
ĐC: Số 2 Phạm Ngũ Lão, Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
ĐT: 024.38260669/024.32669875 Email:ceecsvhhcn@gmail.com
Giấy chứng nhận hoạt động Quan trắc môi trường: **VIMCERTS 195**

Số: 6025/2024/PKQ(24/K4640/K2)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Cơ sở: Công ty TNHH Parker Processing Việt Nam
Địa chỉ: Lô C1-2, KCN Thăng Long, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội

Vị trí quan trắc	**K2**	Ống khí thải từ HTXl khí thải khu vực xưởng sơn, sấy, công suất 18.000 m^3/h
Ngày quan trắc, lấy mẫu	Ngày 07 tháng 11 năm 2024	
Người lấy mẫu	Đinh Quang Minh, Vũ Minh Huy, Lê Việt Anh	
Đặc điểm thời tiết	Trời nắng, nhiệt độ trung bình 29^0C	
Người phân tích	Nguyễn Việt Anh, Nguyễn Thị Thanh Hương, Lê Ngọc Ánh	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCTĐHN 01:2014/ BTNMT (C_{max})	QCVN 20:2009/ BTNMT
				K2		
1.	Lưu lượng	Nm^3/h	EPA Method 2	6.496	-	-
2.	Bụi tổng	mg/Nm^3	EPA Method 5	<2,0	**140**	-
3.	CO	mg/Nm^3	QTHT-40	<20	**800**	-
4.	SO_2	mg/Nm^3	QTHT-40	<3,4	**350**	-
5.	NO_x	mg/Nm^3	QTHT-40	<5,0	**680**	-
6.	Formandehyt (**1)	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649:2014	<0,3	-	**20**
7.	Xylen (O,m,p)	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649:2014	0,97	-	**870**
8.	Butylaxetat	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649:2014	<0,0005	-	**950**
9.	Etylbenzene	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649:2014	0,84	-	**870**

Ghi chú:

- **QCVN 20:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.
- **QCTĐHN 01:2014/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội.

$$C_{max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

- $K_p = 1,0$: Do lưu lượng nguồn thải $P \leq 20.000$ (m^3/h);
- $K_v = 0,7$: Do cơ sở thuộc huyện Đông Anh (Khu vực loại 2) - Áp dụng đối với thông số Bụi tổng, SO_2
- $K_v = 0,8$: Do cơ sở thuộc huyện Đông Anh (Khu vực loại 2) - Áp dụng đối với thông số CO, NO_x

- (**1) Chỉ tiêu được phân tích bởi Trung tâm môi trường và sản xuất sạch (Vimcerts 072)

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2024

THAY MẶT CÁN BỘ QUAN TRẮC	TRƯỞNG PHÒNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG	KT.GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Vân Anh	Lê Bảo Quân	ThS. Nguyễn Thị Hạnh

TRUNG TÂM KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN HÓA CHẤT CHI NHÁNH VIỆN HÓA HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

1. Kết quả chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu (như trên)

TRUNG TÂM KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN HOÁ CHẤT
CENTER OF ENVIRONMENTAL ENGINEERING AND CHEMICAL SAFETY
ĐC: Số 2 Phạm Ngũ Lão, Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
ĐT: 024.38260669/024.32669875 Email:ceecsvhhcn@gmail.com
Giấy chứng nhận hoạt động Quan trắc môi trường: **VIMCERTS 195**

Số: 6026/2024/PKQ(24/K4641/K3)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Cơ sở: Công ty TNHH Parker Processing Việt Nam
Địa chỉ: Lô C1-2, KCN Thăng Long, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội

Vị trí quan trắc	**K3**	Ống khí thải từ HTXL khí thải xưởng nhiệt, công suất 35.000 m^3/h
Ngày quan trắc, lấy mẫu	Ngày 07 tháng 11 năm 2024	
Người lấy mẫu	Đinh Quang Minh, Vũ Minh Huy, Lê Việt Anh	
Đặc điểm thời tiết	Trời nắng, nhiệt độ trung bình 29^0C	
Người phân tích	Nguyễn Việt Anh, Nguyễn Thị Thanh Hương, Lê Ngọc Ánh	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCTĐHN 01:2014/ BTNMT (C_{max})
				K3	
1.	Lưu lượng	Nm^3/h	EPA Method 2	15.264	-
2.	Bụi tổng	mg/Nm^3	EPA Method 5	<2,0	**126**
3.	CO	mg/Nm^3	QTHT-40	24,3	**720**
4.	SO_2	mg/Nm^3	QTHT-40	<3,4	**315**
5.	NO_x	mg/Nm^3	QTHT-40	11,9	**612**
6.	NH_3 (**1)	mg/Nm^3	JIS K 0099:2020	<12	**36**

Ghi chú:

- **QCTĐHN 01:2014/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội.

$$C_{max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

- $K_p = 0,9$: Do lưu lượng nguồn thải $20.000 < P \leq 100.000$ (m^3/h);
- $K_v = 0,7$: Do cơ sở thuộc huyện Đông Anh (Khu vực loại 2) - Áp dụng đối với thông số Bụi tổng, SO_2
- $K_v = 0,8$: Do cơ sở thuộc huyện Đông Anh (Khu vực loại 2) - Áp dụng đối với thông số CO, NO_x, NH_3

- "-": Không có trong Quy chuẩn
- (**1) Chỉ tiêu được phân tích bởi Trung tâm môi trường và sản xuất sạch (Vimcerts 072)

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2024

THAY MẶT CÁN BỘ QUAN TRẮC	TRƯỞNG PHÒNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG	KT.GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Vân Anh	Lê Bảo Quân	ThS. Nguyễn Thị Hạnh

TRUNG TÂM KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN HÓA CHẤT CHI NHÁNH VIỆN HÓA HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

1. Kết quả chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu (như trên)

TRUNG TÂM KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN HÓA CHẤT
CENTER OF ENVIRONMENTAL ENGINEERING AND CHEMICAL SAFETY
ĐC: Số 2 Phạm Ngũ Lão, Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
ĐT: 024.38260669/024.32669875 Email:ceecsvhhcn@gmail.com
Giấy chứng nhận hoạt động Quan trắc môi trường: **VIMCERTS 195**

Số: 6027/2024/PKQ(24/K4642/K4)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Cơ sở: Công ty TNHH Parker Processing Việt Nam
Địa chỉ: Lô C1-2, KCN Thăng Long, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội

Vị trí quan trắc	**K4**	Ống khí thải từ HTXL khí thải xưởng nhiệt Isonite, công suất 55.000 m^3/h
Ngày quan trắc, lấy mẫu	Ngày 07 tháng 11 năm 2024	
Người lấy mẫu	Đinh Quang Minh, Vũ Minh Huy, Lê Việt Anh	
Đặc điểm thời tiết	Trời nắng, nhiệt độ trung bình 29^0C	
Người phân tích	Nguyễn Việt Anh, Nguyễn Thị Thanh Hương, Lê Ngọc Ánh	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCTĐHN 01:2014/ BTNMT (C_{max})
				K4	
1.	Lưu lượng	Nm^3/h	EPA Method 2	28.649	-
2.	Bụi tổng	mg/Nm^3	EPA Method 5	<2,0	**126**
3.	CO	mg/Nm^3	QTHT-40	<20	**720**
4.	SO_2	mg/Nm^3	QTHT-40	<3,4	**315**
5.	NO_x	mg/Nm^3	QTHT-40	<5,0	**612**
6.	NH_3 (**1)	mg/Nm^3	JIS K 0099:2020	<12	**36**
7.	H_2SO_4	mg/Nm^3	EPA Method 8	<1,3	**31,5**

Ghi chú:

- **QCTĐHN 01:2014/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội.

$$C_{max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

- $K_p = 0,9$: Do lưu lượng nguồn thải $20.000 < P \leq 100.000$ (m^3/h);
- $K_v = 0,7$: Do cơ sở thuộc huyện Đông Anh (Khu vực loại 2) - Áp dụng đối với thông số Bụi tổng, SO_2, H_2SO_4
- $K_v = 0,8$: Do cơ sở thuộc huyện Đông Anh (Khu vực loại 2) - Áp dụng đối với thông số CO, NO_x, NH_3

- "-": Không có trong Quy chuẩn
- (**1) Chỉ tiêu được phân tích bởi Trung tâm môi trường và sản xuất sạch (Vimcerts 072)

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2024

THAY MẶT CÁN BỘ QUAN TRẮC	TRƯỞNG PHÒNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG	KT.GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Vân Anh	Lê Bảo Quân	ThS. Nguyễn Thị Hạnh

TRUNG TÂM KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN HÓA CHẤT CHI NHÁNH VIỆN HÓA HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

1. Kết quả chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu (như trên)

ISO 9001:2015
VIMCERT 025

TRẠM QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH
MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG
Địa chỉ: 99 Trần Quốc Toản, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024-22172480; 024-22172473 Fax: 024-38223011

VILAS 441

Số: 04251/2024/PKQ (24/05.04-2583)

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2024

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1	**Tên khách hàng:**	TRUNG TÂM KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN HÓA CHẤT- CHI NHÁNH VIỆN HÓA HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
2	**Địa chỉ:**	Số 02, Phạm Ngũ Lão, Hoàn Kiếm, Hà Nội
3	**Ngày nhận mẫu:**	12/11/2024
4	**Loại mẫu:**	Khí thải
5	**Cán bộ tham gia thực hiện:**	
Cán bộ phòng thí nghiệm		
Vũ Thị Thanh Phương..		

6. Kết quả như sau:

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	K4639/1124/Parker/K1	Blank HCl
1	Axit clohydric, HCl	US EPA Method 26A	µg/mL	<1,02	<1,02

Ghi chú:

- Loại mẫu và ký hiệu mẫu do khách hàng cung cấp.

TRẠM QT&PT MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

TRẠM QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

PHÓ GIÁM ĐỐC
ThS. Trần Thị Liễu

PHÒNG QT&PT MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

Cán bộ QA/QC

Vũ Thị Thanh Phương

Trưởng phòng

Đặng Thị Thu Hà

---

1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Thông số in nghiêng được thực hiện bởi nhà thầu phụ

Bộ Công Thương
Cục Kỹ thuật An toàn và Môi trường Công nghiệp
TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ SẢN XUẤT SẠCH
Số 655 Phạm Văn Đồng - P. Cổ Nhuế 1- Q. Bắc Từ Liêm- TP. Hà Nội
024.22155192 cecpttmt@gmail.com VIMCERTS 072
www.cecp.vn
VILAS 1327

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2441/2024/KT2411.27/2-3

Khách hàng	:	Trung tâm kỹ thuật Môi trường và An toàn hóa chất – Chi nhánh Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam
Địa chỉ	:	Số 2 Phạm Ngũ Lão, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Loại mẫu	:	Khí thải
Ngày nhận mẫu	:	**08/11/2024** **Ngày thử nghiệm** : **08/11/2024 – 19/11/2024**
Thông tin về mẫu	:	**KT2411.27/2 (KT2):** K4641/1124/Parker/K3 **KT2411.27/3 (KT3):** K4642/1124/Parker/K4
Tình trạng mẫu	:	Ống đựng dung dịch hấp thụ

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	
				KT2	KT3
1	NH_3	mg/Nm^3	PD CENTS 13649:2014	<12	<12

Ghi chú:

- Mẫu do khách gửi đến;
- Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp;
- Kết quả được trả dựa trên giới hạn định lượng phương pháp.

Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2024

CÁN BỘ LẬP PHIẾU	QA/QC	KT.GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Ánh	Phạm Thị Hương	Trịnh Quang Hoan

1. Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm môi trường và sản xuất sạch (CECP)
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
3. Thời gian lưu mẫu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, CECP không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;
4. Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu;
5. Kết quả NTP được đánh dấu (*).

Bộ Công Thương
Cục Kỹ thuật An toàn và Môi trường Công nghiệp
TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ SẢN XUẤT SẠCH
Số 655 Phạm Văn Đồng – P. Cổ Nhuế 1- Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội
024.22155192 cecpttmt@gmail.com VIMCERTS 072
www.cecp.vn
VILAS 1327

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2440/2024/KT2411.27/1

Khách hàng	:	Trung tâm kỹ thuật Môi trường và An toàn hóa chất – Chi nhánh Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam
Địa chỉ	:	Số 2 Phạm Ngũ Lão, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Loại mẫu	:	Khí thải
Ngày nhận mẫu	:	**08/11/2024** **Ngày thử nghiệm** : **08/11/2024 – 19/11/2024**
Thông tin về mẫu	:	**KT2411.27/1 (KT1):** K4640/1124/Parker/K2
Tình trạng mẫu	:	Ống hấp thụ bọc kín hai đầu

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả
				KT1
1	Formaldehyde	mg/Nm^3	PD CENTS 13649:2014	<0,3

Ghi chú:

- Mẫu do khách gửi đến;
- Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp;
- Kết quả được trả dựa trên giới hạn định lượng phương pháp.

Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2024

CÁN BỘ LẬP PHIẾU	QA/QC	KT.GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Ánh	Phạm Thị Hương	Trịnh Quang Hoan

TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ SẢN XUẤT SẠCH

1. *Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm môi trường và sản xuất sạch (CECP)*
2. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;*
3. *Thời gian lưu mẫu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, CECP không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;*
4. *Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu;*
5. *Kết quả NTP được đánh dấu (*).*